Trung tâm Công báo và Tin học Văn phòng Ủy ban Nhân dân
19.06.2019
16:48:19 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3403 /UBND-NNTN	*Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 6 năm 2019*
V/v đánh giá quá trình thực hiện dự án Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	

Kính gửi:
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường,
  Kế hoạch và Đầu tư,
  Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục Biến đổi khí hậu.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo tại nội dung Công văn số 518/BĐKH-KHTC ngày 29/5/2019 của Cục Biến đổi khí hậu về việc xin chủ trương điều chỉnh hạng mục trồng cây chắn sóng thuộc dự án về biến đổi khí hậu, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo đánh giá quá trình thực hiện dự án Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

I. Thông tin chung về dự án

Dự án Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt dự án tại Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 13/8/2015 và Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 07/3/2018, cụ thể:

- Quy mô đầu tư bao gồm hạng mục đê, kè có chiều dài: 3.574,8m và hạng mục trồng cây chắn sóng: 8,573 ha;

- Tổng mức đầu tư: 184.903 triệu đồng *(trong đó: nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu: 130.000 triệu đồng và ngân sách tỉnh: 54.903 triệu đồng)*;

- Thời gian thực hiện dự án: 2015-2019.

II. Đánh giá về quy mô, hạng mục đầu tư thực tế so với quy mô, hạng mục đã được Thủ tướng Chính phủ thống nhất tại Công văn số 1443/TTg-QHQT ngày 19/9/2012

1. Kết quả rà soát về quy mô, hạng mục đầu tư thực tế so với quy mô

hạng mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Công văn số 1443/TTg-QHQT ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 13/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	Nội dung khác nhau
1	Quy mô đầu tư	Xây dựng mới tuyến đê, kè tổng chiều dài 3.617m, mặt đê rộng 7m bằng bê tông. Làm 1 khu bãi neo và sửa chữa tàu thuyền diện tích 3,7ha, 1 bến phà trung chuyển khách diện tích 1,77ha. Các công trình phụ trợ: 10 cống tiêu nước qua đê, 2 điểm canh đê, 4ha cây chắn sóng trước đê.	- Hạng mục Đê kè có chiều dài 3.574,8m, đỉnh đê có kết hợp làm đường giao thông rộng 9,8m (lòng đường 7m, vĩa hè mỗi bên rộng 1,4m). - Các công trình phụ trợ: 18 cống tiêu nước qua đê. - Trồng 8,573ha cây chắn sóng.	1. Tăng bề rộng mặt đê từ 7m lên 9,8m. 2. Không phê duyệt đầu tư làm 1 khu bãi neo và sửa chữa tàu thuyền diện tích 3,7ha, 1 bến phà trung chuyển khách diện tích 1,77ha. 3. Chưa tổ chức trồng 8,573ha cây chắn sóng.

2. Đánh giá về quy mô, hạng mục đầu tư thực tế so với quy mô hạng mục được Chính phủ phê duyệt

UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có đánh giá cụ thể tình hình thực hiện các hạng mục đầu tư thực tế nhằm phù hợp với điều kiện địa phương tại Công văn số 6543/UBND-NNTN ngày 24/10/2017 *(bản chụp kèm theo)*.

3. Tình hình thực hiện dự án

a) Đối với hạng mục Đê kè:

- Tổng chiều dài tuyến đê: 3.574,8m.

- Cao trình đỉnh đê: +2,5m.

- Mặt đê gia cố bằng bê tông M300 đổ tại chỗ dày 24cm; phía dưới là lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 18cm và dưới cùng là lớp đất đắp K> 0,98 dày 30cm. Dọc đỉnh đê là bó vỉa bằng viên bê tông đúc sẵn M250, phía trong lát gạch Terrazzo.

- Cống tiêu dưới đê: Kết cấu cống bằng bê tông và bê tông cốt thép, dàn van và cửa đóng mở bằng thép và thép không rỉ.

- Bậc dân sinh: Kết cấu bằng bê tông M250.

Nội dung về quy mô đã được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 13/8/2015 và Quyết định số 2412/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 *(bản chụp kèm theo)*.

Hiện nay UBND tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường (chủ đầu tư) tập trung triển khai thi công dự án. Chi tiết quá trình thực hiện, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã báo cáo cụ thể tại Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 26/4/2019 *(bản chụp kèm theo)*.

b) Đối với hạng mục Trồng cây chắn sóng:

- Trồng mới 8,573ha cây chắn sóng *(Trồng cây Đước bằng cây ươm trong túi bầu có kích thước 14x20cm, mật độ trồng 3.300 cây/ha)*.

- Nội dung về quy mô, đã được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 13/8/2015. Tuy nhiên hạng mục này chưa triển khai thi công vì một số nguyên nhân vướng mắc như sau:

+ Theo hồ sơ dự án được Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt tại Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 13/8/2015, có hạng mục cây chắn sóng với quy mô 8,573ha, giá trị đầu tư: 1.810 triệu đồng *(trong đó nguồn vốn: Ngân sách trung ương: 1.626 triệu đồng, bố trí cho các hạng mục: Chi phí xây dựng, chi phí tư vấn, chi phí quản lý dự án; ngân sách tỉnh: 184 triệu đồng, bố trí cho các hạng mục: Chi phí khác và chi phí dự phòng)*.

+ Trên cơ sở Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 13/8/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, từ tháng 12/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành khảo sát và làm việc với chính quyền địa phương để thực hiện thi công hạng mục trồng cây chắn sóng, tuy nhiên phạm vi trồng cây của dự án phần lớn là các ao, hồ nuôi trồng thủy sản của người dân địa phương, vì vậy để tổ chức trồng cây với diện tích nêu trên cần phải bồi thường, giải phóng mặt bằng với tổng giá trị khoảng 30.000 triệu đồng *(tạm tính theo giá trị bồi thường trung bình 1ha đất của tuyến đê kè)*, cao hơn rất nhiều lần so với chi phí thi công trồng cây chắn sóng (*giá trị 1.459 triệu đồng*). Nguồn vốn này, theo quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2013/TTLT-BTNMT-BTC-BKHĐT ngày 05/3/2013 được phân bổ vào vốn đối ứng ngân sách tỉnh, tuy nhiên, nguồn vốn ngân sách tỉnh bố trí cho hạng mục Trồng cây chắn sóng chỉ có giá trị 184 triệu đồng để thực hiện các công việc: Chi phí khác, chi phí dự phòng.

+ Trong điều kiện nguồn ngân sách địa phương còn eo hẹp, nếu thực hiện giải phóng mặt bằng toàn bộ diện tích hạng mục trồng rừng thì kinh phí bồi thường quá lớn, làm tăng tổng mức đầu tư dự án, đồng thời, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân vì mất đất sản xuất, nuôi trồng thủy sản.

III. Lũy kế nguồn vốn phân bổ cho dự án

- Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2018:

+ Nguồn vốn Trung ương: 130.000/130.000 triệu đồng (đã phân bổ đủ nguồn vốn ngân sách Trung ương cho dự án); Giá trị giải ngân: 91.090,313 triệu đồng (Trong đó chưa kể nguồn vốn năm 2017 chuyển qua năm 2018 không giải ngân hết: 11.719 triệu đồng); Số vốn chuyển nguồn năm 2018 sang năm 2019: 27.000 triệu đồng.

+ Nguồn vốn địa phương: 48.368,8/54.903 triệu đồng; Giá trị giải ngân: 45.668,427 triệu đồng; Số vốn chuyển nguồn sang năm 2019: 2.700,37 triệu đồng.

- Kế hoạch vốn năm 2019: 29.700,37 triệu đồng, cụ thể:

+ Nguồn vốn Trung ương (nguồn vốn năm 2018 chuyển qua): 27.000 triệu đồng; Giá trị giải ngân: Chưa giải ngân.

+ Nguồn vốn địa phương (nguồn vốn năm 2018 chuyển qua): 2.700,37 triệu đồng; Giá trị giải ngân: 1.006,411 triệu đồng.

(Có bảng chi tiết giải ngân nguồn vốn kèm theo)

IV. Đề xuất kiến nghị

Với những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án như đã nêu tại nội dung Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi cũng như các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện hạng mục Trồng cây chắn sóng nêu trên, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép điều chỉnh giảm, không thực hiện hạng mục Trồng cây chắn sóng như nội dung đã được phê duyệt của dự án và điều chỉnh giảm các chi phí đầu tư xây dựng có liên quan, cụ thể:

1. Nội dung xin điều chỉnh: Điều chỉnh giảm hạng mục Trồng cây chắn sóng (không thực hiện).

- Quy mô hạng mục: 8,573 ha trồng cây Đước.

- Kinh phí giảm: 1.721 triệu đồng, cụ thể:

+ Nguồn vốn Trung ương: 1.543 triệu đồng *(bố trí cho các hạng mục công việc: Chi phí xây dựng, chi phí giám sát, chi phí lập hồ sơ cam kết bảo vệ môi trường và chi phí quản lý dự án)*.

+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 178 triệu đồng *(bố trí cho các hạng mục công việc: Chi phí kiểm toán, chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán và chi phí dự phòng)*.

2. Giải trình nguyên nhân điều chỉnh

a) Về yếu tố kỹ thuật: Mục tiêu trồng cây chắn sóng theo Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 27/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ nhằm mục đích làm giảm chiều cao sóng biển tác động trực tiếp lên mái đê, gây sạt lở, hư hỏng tuyến đê. Tuy nhiên, do tuyến Đê kè Tịnh Kỳ chỉ là tuyến đê vùng cửa sông, không bị sóng biển tác động trực tiếp lên mái đê *(chủ yếu ảnh hưởng do sự xâm thực của triều cường)* và nhiệm vụ của tuyến đê là ngăn mặn, kết hợp tiêu úng, thoát lũ cho khu vực phía thượng lưu sông.

b) Về thực tế quản lý, vận hành: Tuyến đê nằm bên bờ hữu Sông Bài Ca thuộc địa bàn xã Tịnh Kỳ có tổng chiều dài 3.574,8m (Km 0+00 ÷ Km 3+574,8), được triển khai thi công từ tháng 6/2016 đến tháng 3/2017, đã thi công hoàn thành 1/2 đoạn tuyến (từ Km1+800 ÷ Km3+520) và sử dụng an toàn, ổn định qua các mùa mưa lũ; phát huy năng lực thoát lũ nhanh (không cản trở dòng chảy do không trồng cây chắn sóng ngoài đê), phù hợp thực tiễn với điều kiện địa hình, thủy văn, thủy triều vùng dự án.

c) Về nguồn vốn: Tại nội dung Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 13/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt dự án Xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển hạ tầng khu vực xã Tịnh Kỳ và phía Đông huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, thì nguồn vốn

thực hiện hạng mục trồng rừng như sau:

- Tổng kinh phí hạng mục: 1.721 triệu đồng, bao gồm:

+ Nguồn vốn Trung ương: 1.543 triệu đồng *(bố trí cho các hạng mục công việc: Chi phí xây dựng, chi phí giám sát, chi phí lập hồ sơ cam kết bảo vệ môi trường và chi phí quản lý dự án)*

+ Nguồn vốn ngân sách tỉnh: 178 triệu đồng *(bố trí cho các hạng mục công việc: Chi phí kiểm toán, chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán và chi phí dự phòng).*

Theo nội dung được phê duyệt nêu trên thì nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh không bố trí kinh phí thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với diện tích 8,573 ha trồng cây chắn sóng với lý do chính là trong quá trình khảo sát, trình phê duyệt dự án, Chủ đầu tư không dự kiến kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng cho hạng mục này vì nhận thấy đa phần là diện tích đất bãi bồi ven sông do chính quyền địa phương quản lý, dẫn đến không tính toán chi phí này vào tổng mức đầu tư thực hiện dự án. Tuy nhiên, quá trình thực hiện kiểm kê bồi thường, giải phóng mặt bằng để triển khai thi công, làm việc với chính quyền địa phương để xác nhận nguồn gốc sử dụng đất trong phạm vi diện tích thực hiện trồng cây chắn sóng thì theo xác nhận nguồn gốc đất của địa phương, phần lớn là các ao, hồ nuôi trồng thủy sản của người dân đang quản lý, sử dụng. Vì vậy, để tổ chức trồng cây chắn sóng với diện tích trên cần phải bồi thường, giải phóng mặt bằng với tổng giá trị khoảng: 30.000 triệu đồng *(tạm tính theo giá trị bồi thường trung bình 1 ha đất của tuyến đê kè),* so với kinh phí trồng rừng thì kinh phí bồi thường là quá lớn, gấp nhiều lần so với chi phí thi công trồng rừng (*giá trị chi phí trồng rừng: 1.459 triệu đồng*).

Mặt khác, tại thời điểm thẩm định nguồn vốn để cân đối bố trí vốn thực hiện dự án, mặc dù nguồn ngân sách tỉnh eo hẹp nhưng vẫn ưu tiên bố trí nguồn vốn thực hiện dự án với giá trị 54.903 triệu đồng *(chiếm tỷ lệ 30% tổng mức đầu tư dự án)*, với mục tiêu tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương thực hiện các dự án cấp bách của tỉnh, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, tạo điều kiện phát triển hạ tầng, phát triển kinh tế tại địa bàn xã Tịnh Kỳ. Nếu như phải bổ sung thêm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng hạng mục Trồng cây chắn sóng với giá trị khoảng 30.000 triệu đồng *(để bồi thường diện tích 8,573ha đất trồng cây chắn sóng)* thì UBND tỉnh Quảng Ngãi khó có thể cân đối được nguồn vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh để bố trí cho dự án.

Ngoài ra, trên cơ sở ý kiến tham mưu của các Sở, ngành *(Công văn số 351/SNNPTNT ngày 20/2/2019 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công văn số 434/SKHĐT-KTĐN ngày 01/4/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Công văn số 869/STC-ĐT ngày 05/4/2019 của Sở Tài chính),* UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị các Bộ, ngành Trung ương xem xét, cho phép không thực hiện hạng mục Trồng cây chắn sóng thuộc dự án, làm cơ sở để UBND tỉnh Quảng Ngãi thực hiện điều chỉnh dự án.

Kính đề nghị các Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm, xem xét./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- VPUB: CVP, PCVP(NN), TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh340).

CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng

Phụ lục:

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN DỰ ÁN: XÂY DỰNG HỆ THỐNG ĐÊ BAO NHẰM ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU, PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU VỰC XÃ TỊNH KỲ VÀ PHÍA ĐÔNG HUYỆN SƠN TỊNH TỈNH QUẢNG NGÃI

(Kèm theo Công văn số 3403 /UBND-NNTN ngày 18/6/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Đồng

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị Hợp đồng đã ký kết (Giá trị chỉ định thầu/đấu thầu)	Giá trị thanh toán/Quyết toán	Giá trị còn lại chưa thực hiện
A	**NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**		**91.090.313.000**	**28.276.060.091**
1	Chi phí xây dựng	114.505.149.000	86.274.142.000	28.231.007.000
2	Chi phí quản lý dự án	1.195.057.091	1.150.004.000	45.053.091
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		3.666.167.000	
3.1	*Chi phí Khaỏ sát lập dự án*	443.515.000	443.515.000	
3.2	*Chi phí khảo sát lập TKBVTC*	2.208.062.000	1.935.481.000	272.581.000
3.3	*Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình và dự toán*	167.862.000	167.862.000	-
3.4	*Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá HSDT thi công xây dựng*	87.080.000	87.080.000	-
3.5	*Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá HSDT gói thầu tư vấn khảo sát, lập TKBVTC và tổng dự toán công trình*	*2.046.000*	2.046.000	-
3.6	*Chi phí giám sát thi công xây dựng*	1.344.410.904	935.637.000	408.773.904
3.7	*Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá HSDT tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình*	*2.688.000*	2.688.000	-
3.8	*Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường*	91.858.000	91.858.000	-
3.9	*Chi phí thẩm tra thiết kế và dự toán điều chỉnh bổ sung (QĐ 79/QĐ-BXD)*	18.683.680	Đã xong, chưa thanh toán	18.683.680
B	**NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**		**46.674.838.000**	**1.263.545.000**
1	Chi phí Bồi thường GPMB	44.925.511.000	44.036.811.000	888.700.000

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị Hợp đồng đã ký kết (Giá trị chỉ định thầu/đấu thầu)	Giá trị thanh toán/Quyết toán	Giá trị còn lại chưa thực hiện
2	Chi phí quản lý dự án	269.800.000	269.800.000	-
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		207.000.000	
3.1	*Chi phí Khaỏ sát lập dự án*	207.000.000	207.000.000	
4	Chi phí khác		2.161.227.000	374.845.000
4.1	*Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ*	919.029.000	919.029.000	-
4.2	*Lệ phí thẩm định TMĐT (Thông tư 176/2011/TT-BTC)*	19.103.094	Đã xong Chưa thanh toán	19.103.094
4.3	*Phí thẩm tra thiết kế và thẩm tra dự toán công trình xây dựng của cơ quan chuyên môn (Thông tư 75/2014/TT-BTC)*	34.925.000	34.925.000	-
4.4	*Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thiết kế BVTC, tư vấn giám sát*	2.000.000	Đã xong Chưa thanh toán	2.000.000
4.5	*Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu TKBVTC, tư vấn giám sát*	2.000.000	Đã xong Chưa thanh toán	2.000.000
4.6	*Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu thi công xây dựng công trình*	45.956.000	45.956.000	-
4.7	*Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình*	45.956.000	45.956.000	-
4.8	*Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng*	Chưa thực hiện	-	30.000.000
4.9	*Chi phí kiểm toán*	Chưa thực hiện	-	1.053.467.004
4.10	*Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán*	Chưa thực hiện	-	629.546.152
4.11	*Chi phí bảo hiểm công trình(Theo Quyết định số 33/2004/QĐ-BTC)*	986.874.000	986.874.000	-
4.12	*Chi phí trích đo bản đồ địa chính phục vụ công tác GPMB*	500.000.000	125.155.000	374.845.000
4.13	*Chi phí thẩm định dự toán và thiết kế điều chỉnh bổ sung (TT 210/2016/TT-BTC)*	3.332.000	3.332.000	-

./.